CỤC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN **TRUNG TÂM DỰ BÁO** **KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN QUỐC GIA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: TVHD-02/DBQG	Hà Nội, ngày 01 tháng 02 năm 2026

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN DÀI
(Từ ngày 01 đến 28/02/2026)

1. Lưu vực sông Hồng

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

- Sông Thao: Trong tháng 01, mực nước sông Thao có dao động trong thời kỳ đầu và giữa, biến đổi chậm trong thời kỳ cuối.
- Sông Lô: Mực nước hạ lưu sông Lô dao động do ảnh hưởng của điều tiết thuỷ điện tuyến trên; trong đó xuất hiện 2 đợt dao động mạnh do thủy điện tăng cường phát điện phục vụ đổ ải vụ Đông Xuân 2025-2026 với mực nước cao nhất tại trạm Tuyên Quang là 1464cm.
- Sông Đà: Trong tháng 01, dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên theo xu thế giảm dần.
- Sông Hồng: Trong tháng 01: Dòng chảy hạ lưu tại trạm Hà Nội có dao động. Trong tháng có 2 đợt dao động do các hồ tăng cường phát điện phục vụ lấy nước cho gieo cấy lúa vụ Đông Xuân 2025-2026 như sau:
- Đợt 1: Từ ngày 16/1 đến ngày 20/1/2026 (5 ngày)
- Đợt 2: Từ ngày 29/1 đến ngày 4/2/2026 (7 ngày).

b. Dự báo, cảnh báo

- Sông Thao: Trong tháng 02, trên sông Thao mực nước sẽ biến đổi chậm.
- Sông Lô: Đầu tháng 02, mực nước trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang và Vụ Quang dao động ở mức cao do các hồ thủy điện tuyến trên tăng cường phát điện, phục vụ đổ ải vụ Đông Xuân 2025-2026 đợt 2, sau biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng của điều tiết của thủy điện tuyến trên.
- Sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình tiếp tục dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên theo xu thế giảm dần.
- Sông Hồng: Đầu tháng 02, mực nước hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội có dao động do vẫn trong thời kỳ lấy nước đổ ải đợt 02, sau thời kỳ này hạ lưu sông Hồng biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng mạnh của thủy triều.

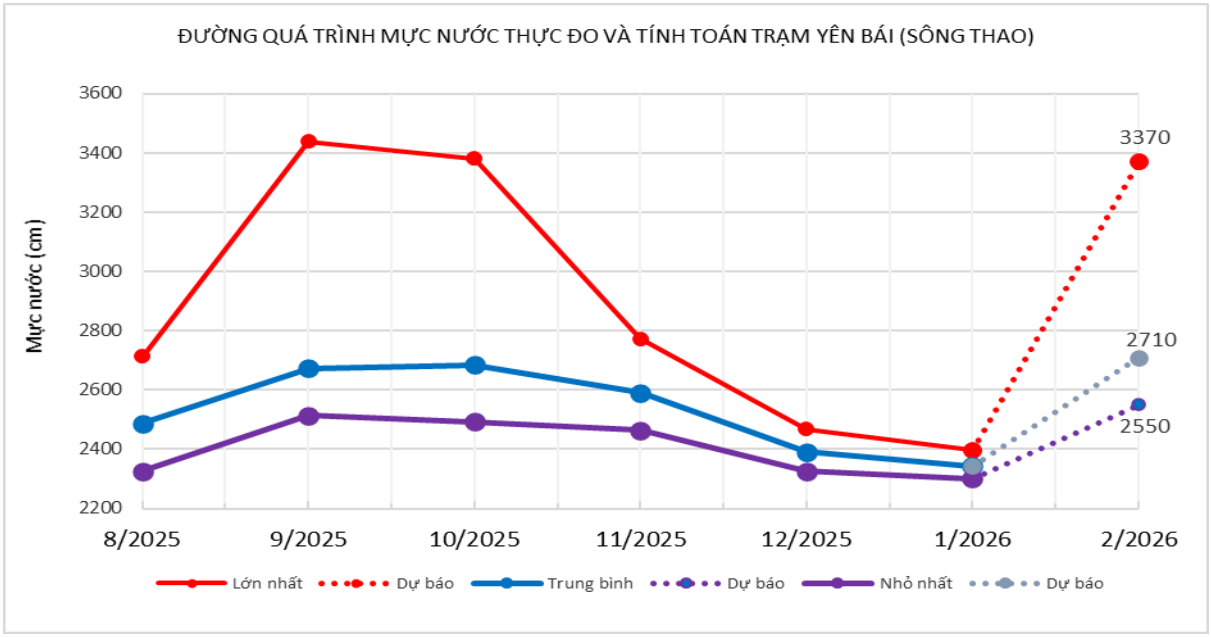
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM YÊN BÁI (SÔNG THAO)
Mực nước (cm)
3600
3400
3200
3000
2800
2600
2400
2200
3370
2710
2550
8/2025
9/2025
10/2025
11/2025
12/2025
1/2026
2/2026
Lớn nhất
Dự báo
Trung bình
Dự báo
Nhỏ nhất
Dự báo

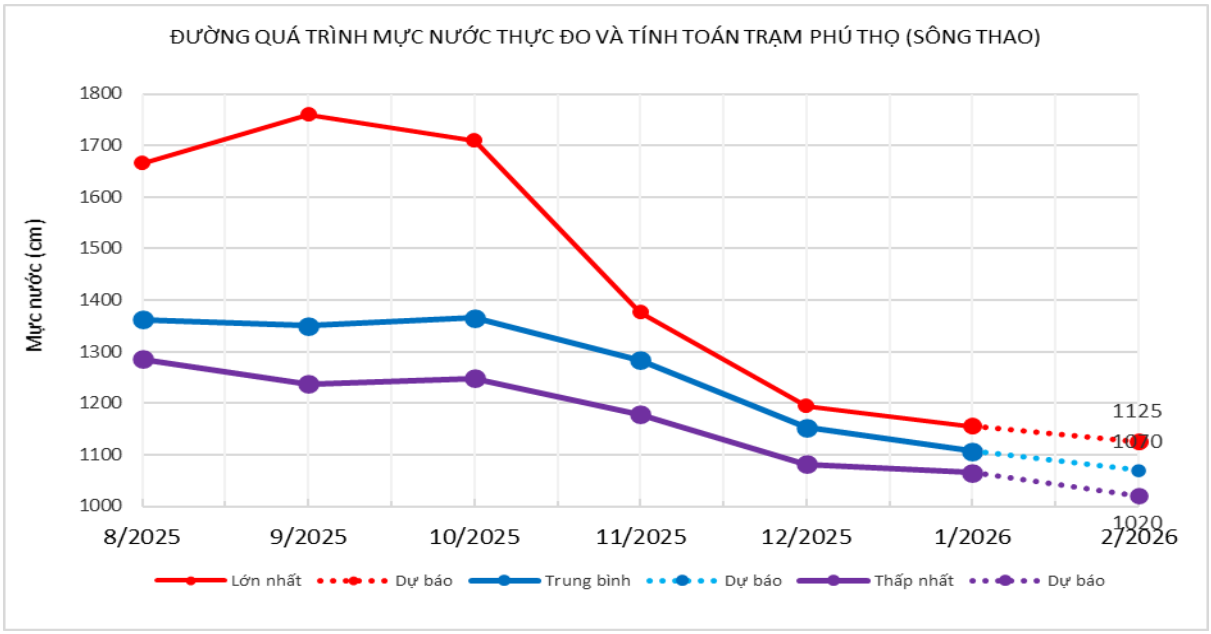
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM PHÚ THỌ (SÔNG THAO)
Mực nước (cm)
1800
1700
1600
1500
1400
1300
1200
1100
1000
1125
1020
8/2025
9/2025
10/2025
11/2025
12/2025
1/2026
2/2026
Lớn nhất
Dự báo
Trung bình
Dự báo
Thấp nhất
Dự báo

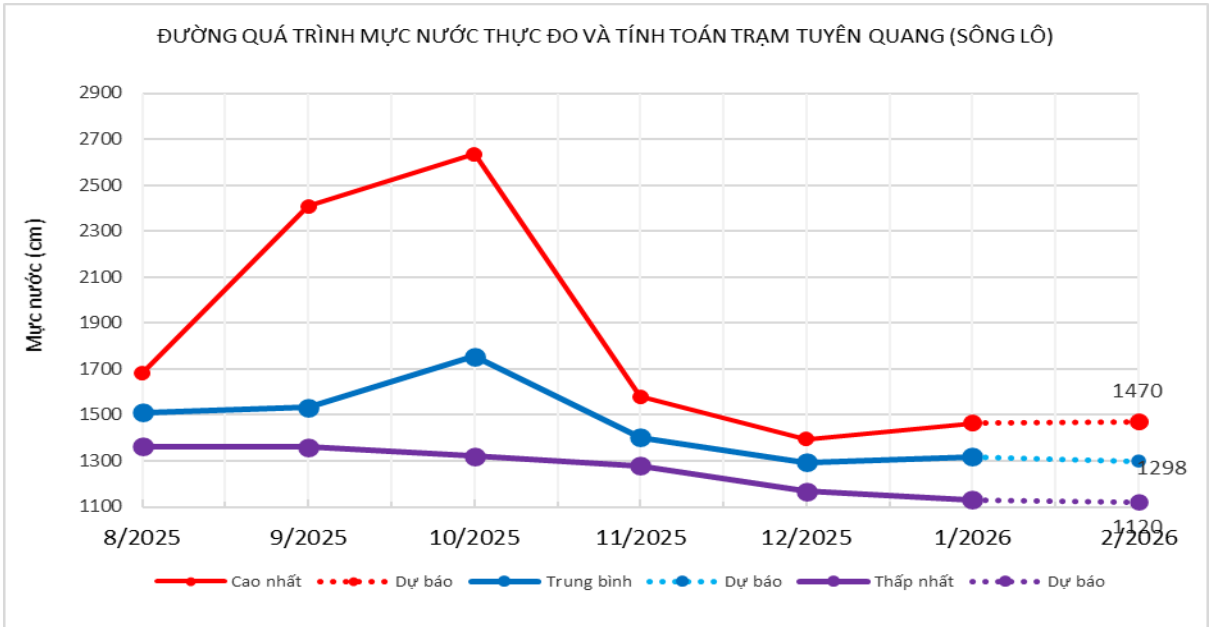
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM TUYÊN QUANG (SÔNG LÔ)
Mực nước (cm)
2900
2700
2500
2300
2100
1900
1700
1500
1300
1100
1470
1298
1120
8/2025
9/2025
10/2025
11/2025
12/2025
1/2026
2/2026
Cao nhất
Dự báo
Trung bình
Dự báo
Thấp nhất
Dự báo

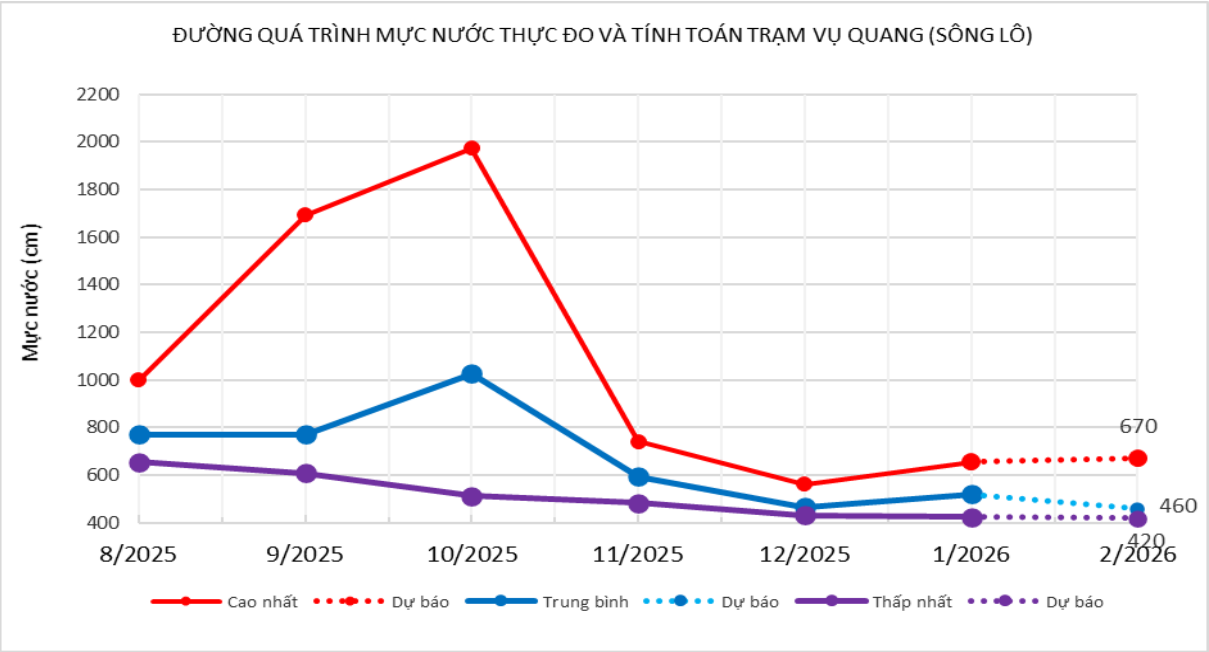
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM VỤ QUANG (SÔNG LÔ)
Mực nước (cm)
2200
2000
1800
1600
1400
1200
1000
800
600
400
8/2025
9/2025
10/2025
11/2025
12/2025
1/2026
2/2026
670
460
420
Cao nhất
Dự báo
Trung bình
Dự báo
Thấp nhất
Dự báo

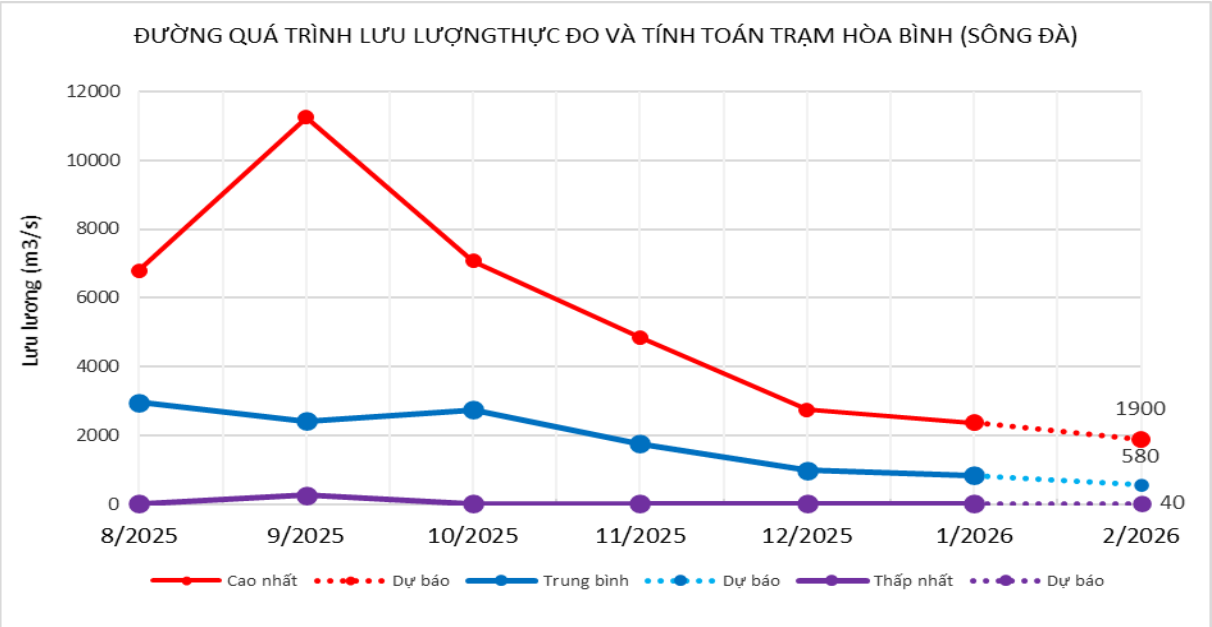
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH LƯU LƯỢNGTHỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM HÒA BÌNH (SÔNG ĐÀ)
Lưu lượng (m3/s)
12000
10000
8000
6000
4000
2000
0
8/2025
9/2025
10/2025
11/2025
12/2025
1/2026
2/2026
1900
580
40
Cao nhất
Dự báo
Trung bình
Dự báo
Thấp nhất
Dự báo

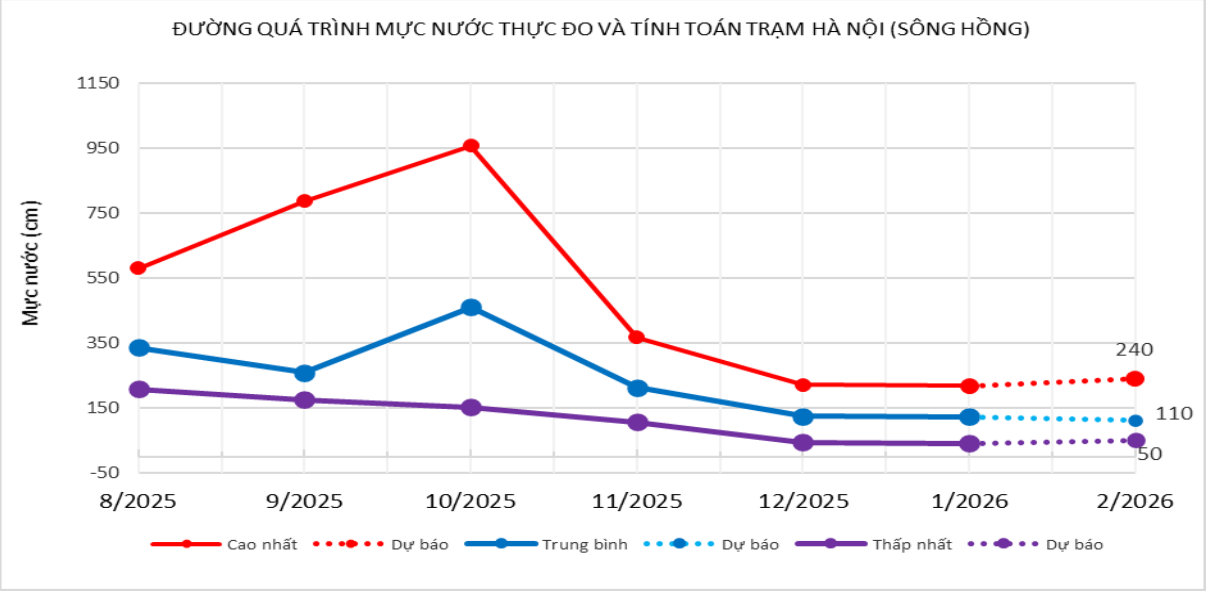
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM HÀ NỘI (SÔNG HỒNG)
Mực nước (cm)
1150
950
750
550
350
150
-50
8/2025
9/2025
10/2025
11/2025
12/2025
1/2026
2/2026
240
110
50
Cao nhất
Dự báo
Trung bình
Dự báo
Thấp nhất
Dự báo

2. Lưu vực sông Thái Bình

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Trong tháng 01/2026, mực nước tại các trạm thượng lưu và trung lưu các sông thuộc hệ thống Thái Bình biến đổi chậm. Các trạm ở hạ lưu các sông chịu ảnh hưởng mạnh của thủy triều.

b. Dự báo, cảnh báo

Trong tháng 02/2026, mực nước tại các trạm thượng lưu và trung lưu các sông trên hệ thống sông Thái Bình sẽ biến đổi chậm. Các trạm hạ lưu các sông chịu ảnh mạnh của thủy triều.

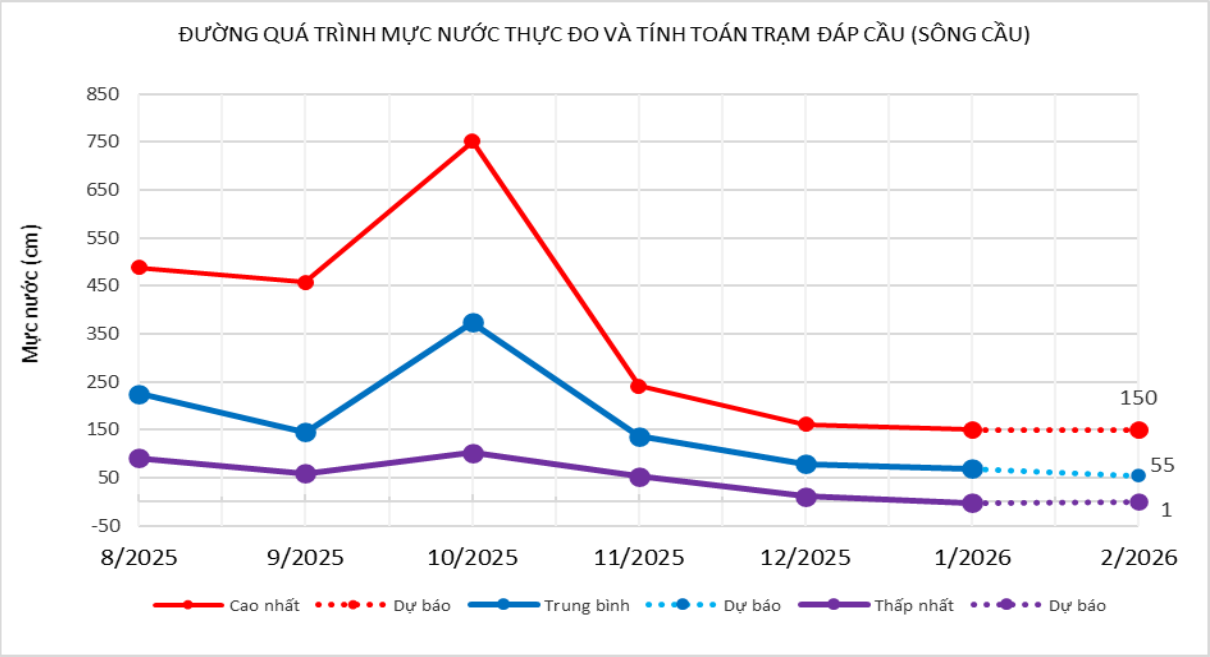

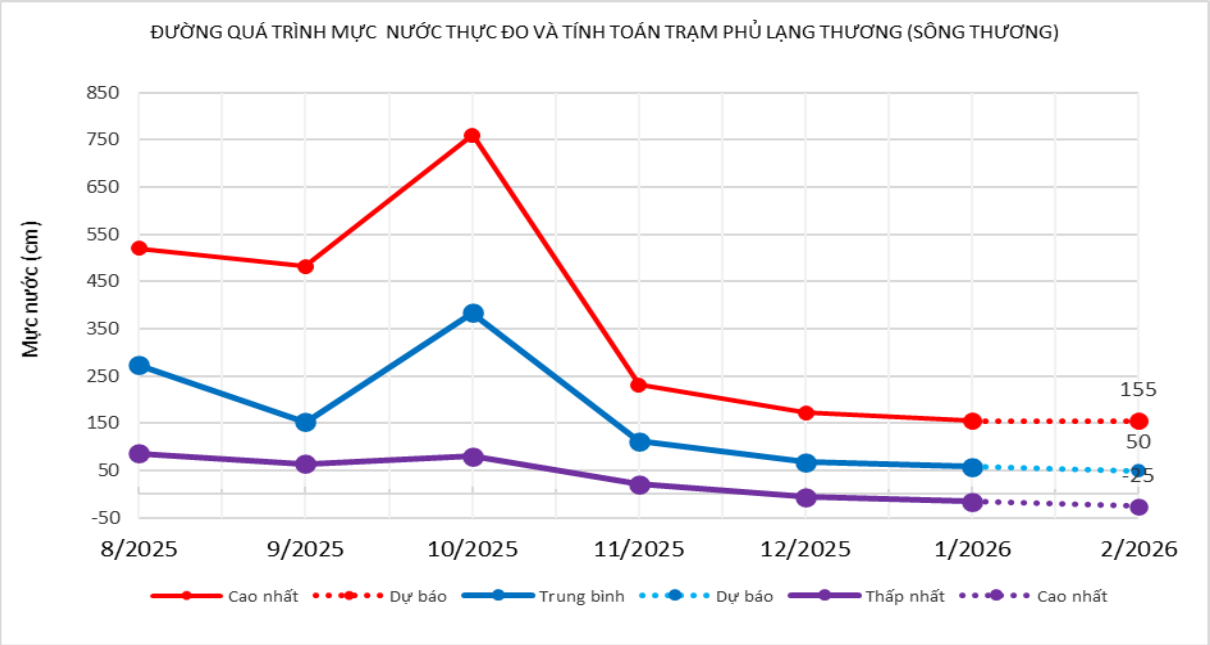

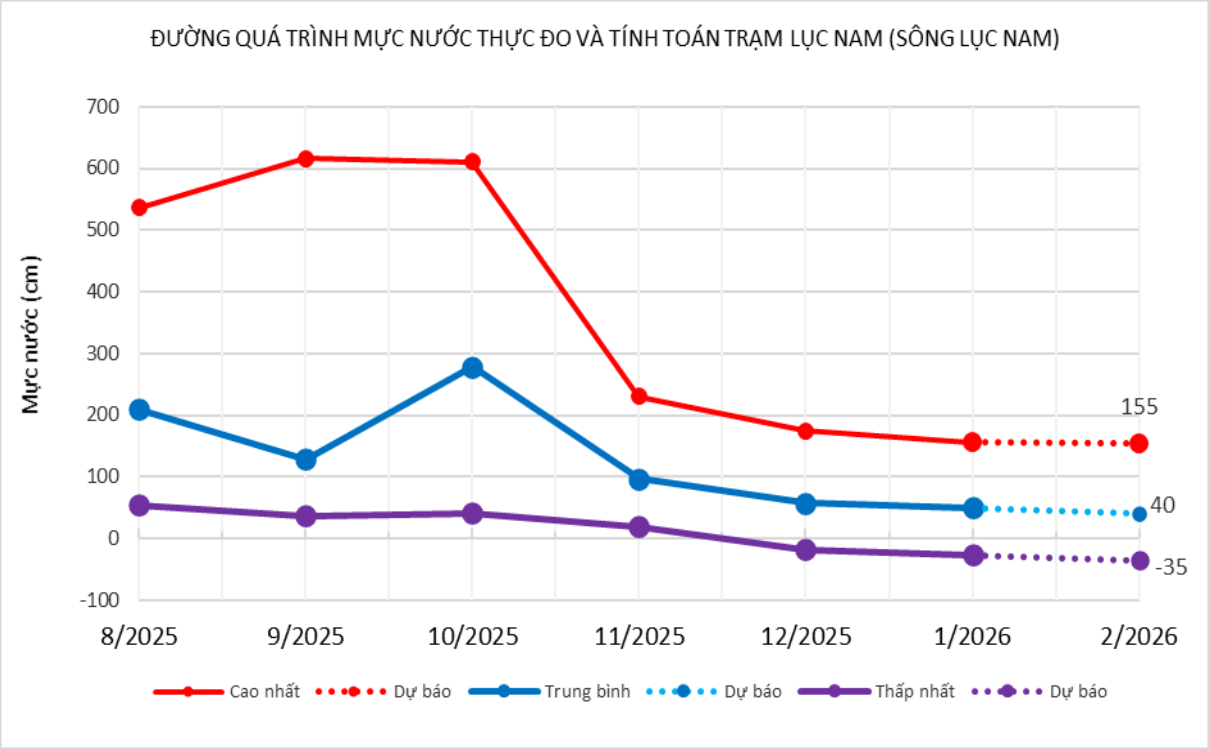

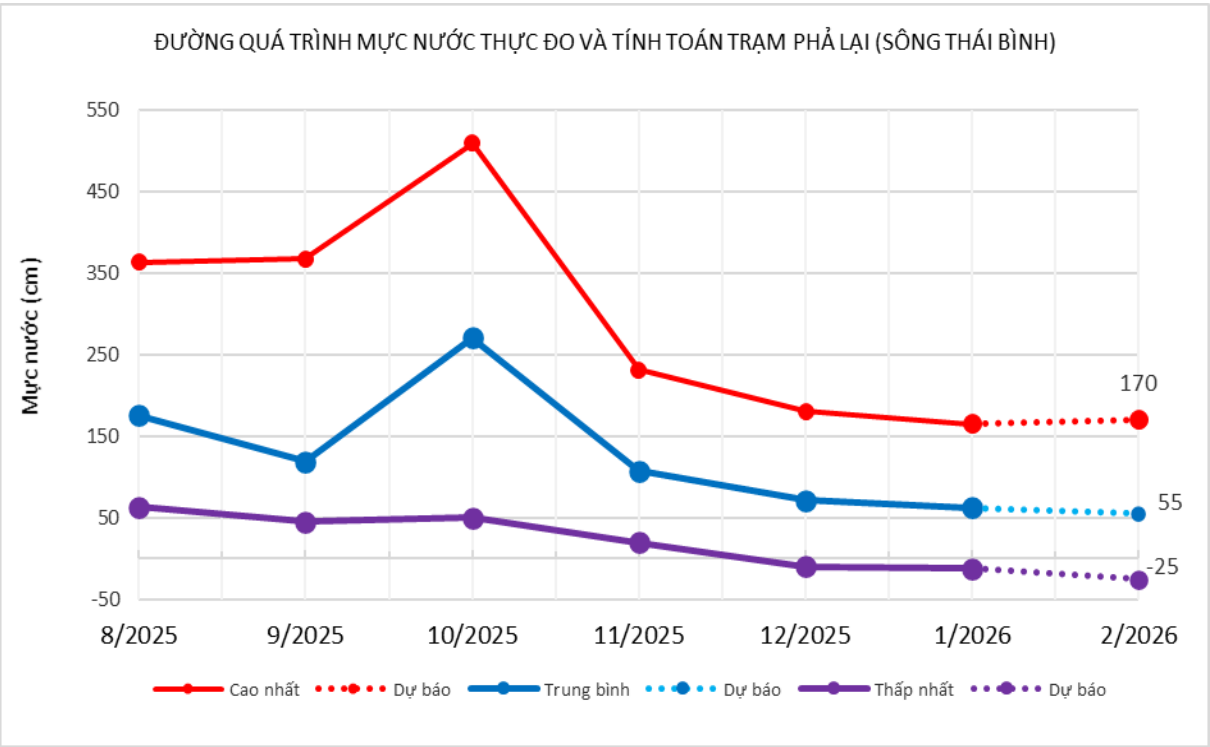

3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

- Trên lưu vực các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong tháng 01/2026, mực nước thượng lưu các sông biến đổi chậm theo xu thế xuống dần, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu biến đổi theo triều.

- Các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Từ ngày 01-09/01, mực nước trên thượng lưu các sông có dao động, hạ lưu biến đổi chậm, thời gian còn lại mực nước ít biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

- Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong tháng 02/2026, mực nước thượng lưu các sông biến đổi chậm, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu biến đổi theo triều.

- Các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Mực nước trên các sông trong tháng 02 biến đổi chậm.

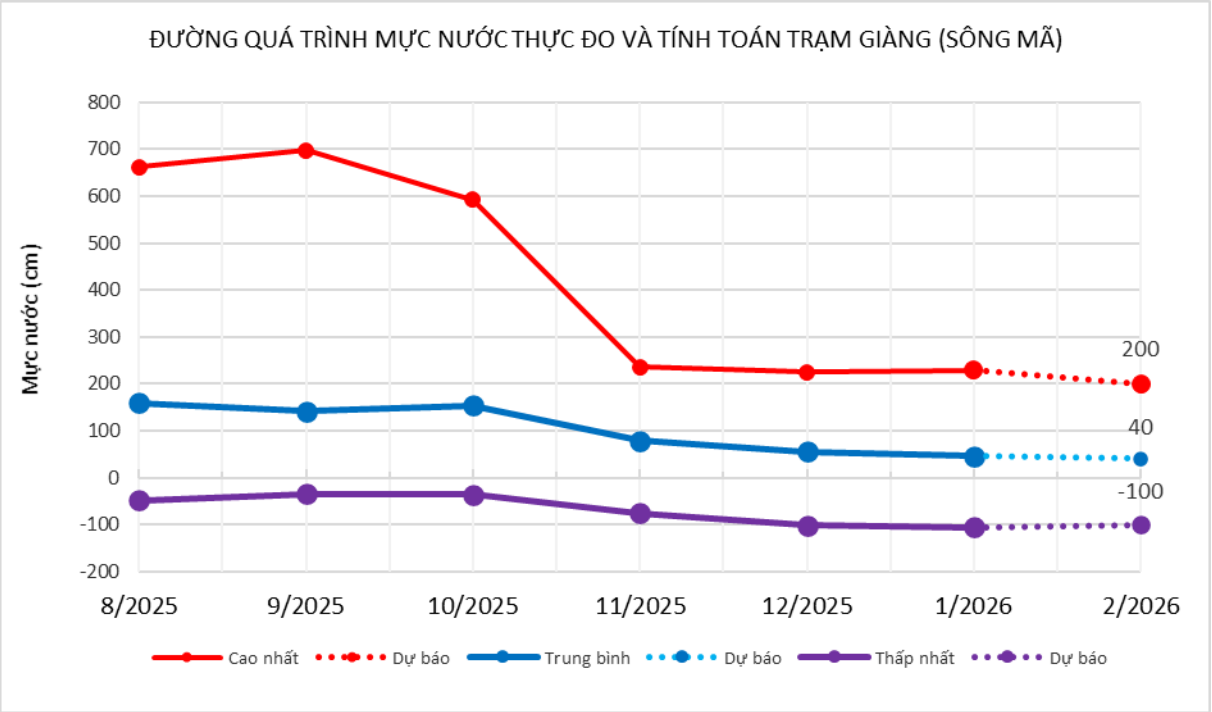

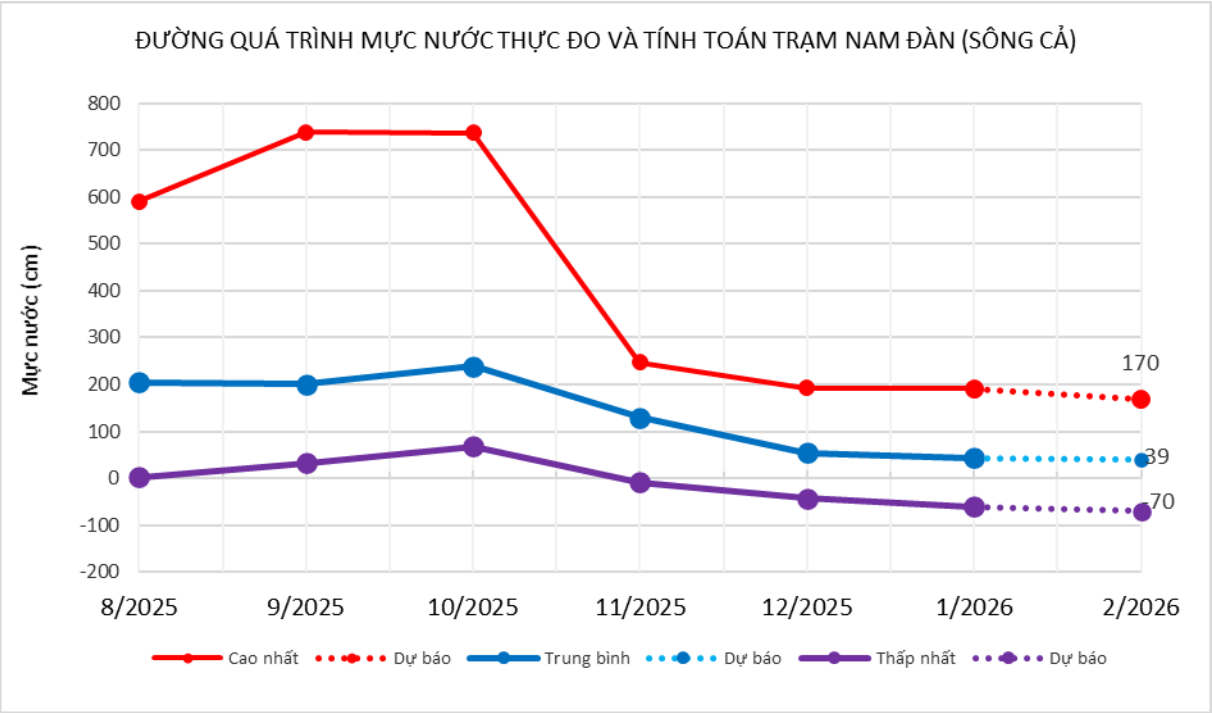

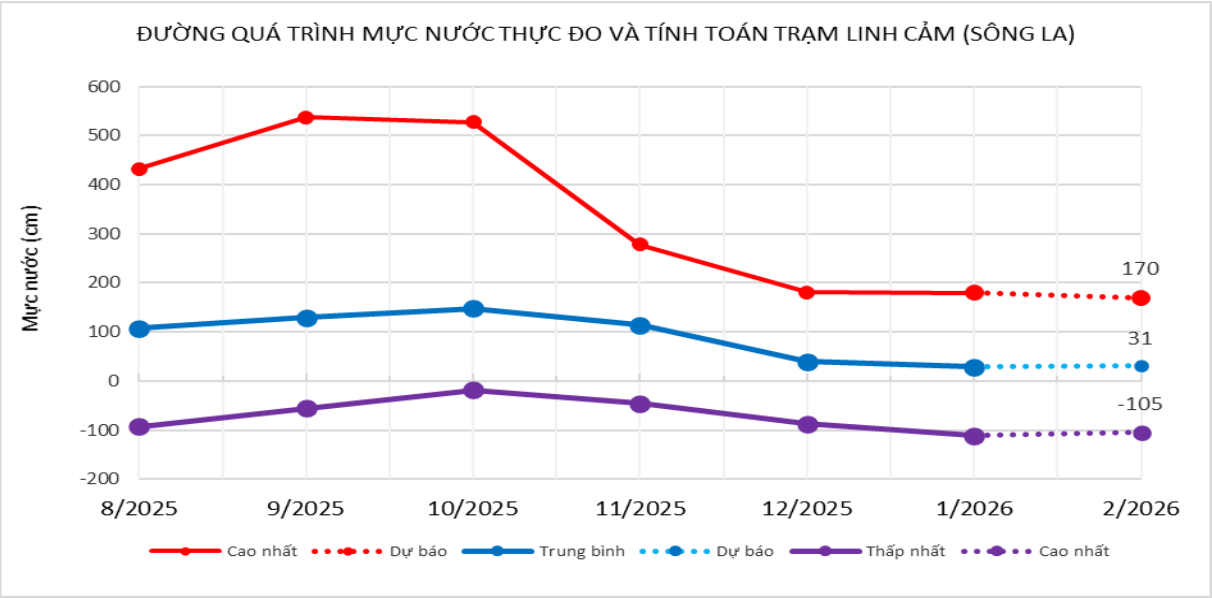

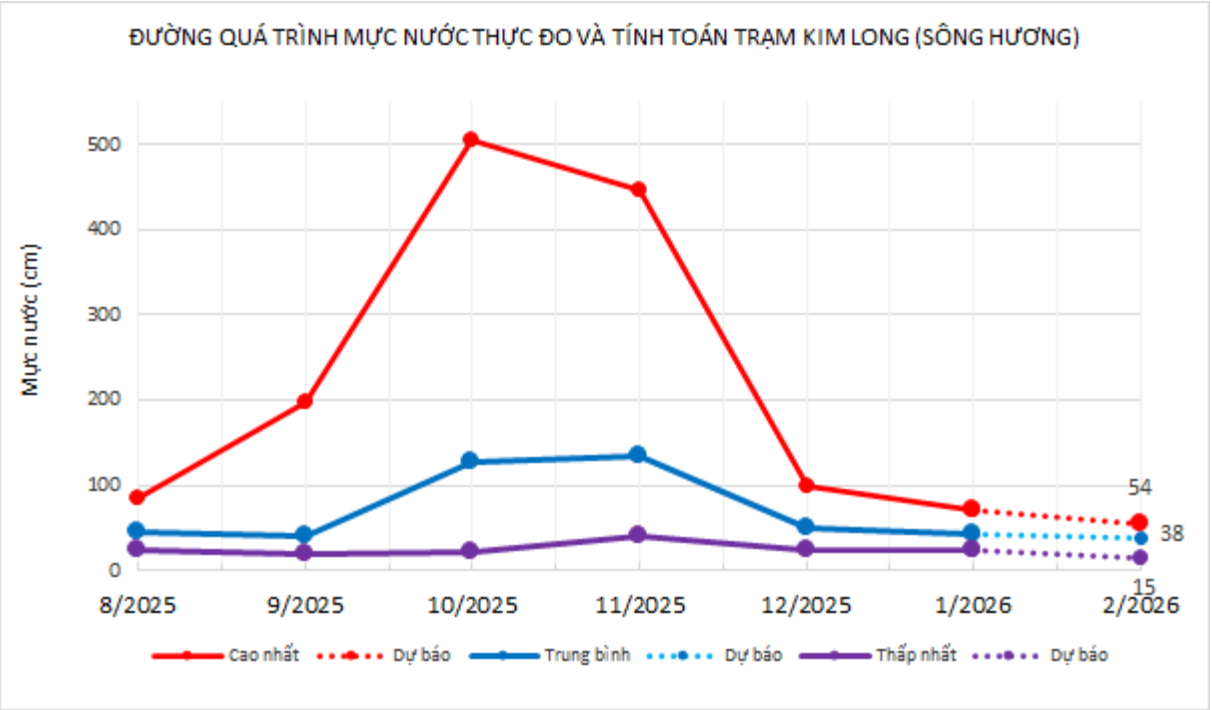

4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

- Các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Từ ngày 01-06/01, mực nước trên thượng lưu các sông có dao động, hạ lưu biến đổi chậm, thời gian còn lại mực nước ít biến đổi.

- Các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Mực nước trên các sông biến đổi chậm theo xu thế xuống. Hạ lưu sông Kôn tại trạm Thạnh Hòa mực nước dao động theo vận hành của đập thủy lợi. Hạ lưu sông Ba dao động do chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên và thủy triều.

b. Dự báo, cảnh báo

- Các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Trong tháng 02/2026, mực nước trên các sông tiếp tục biến đổi chậm.

- Các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Mực nước trên các sông biến đổi chậm. Hạ lưu sông Kôn tại trạm Thạnh Hòa mực nước dao động theo vận hành của đập thủy lợi. Hạ lưu sông Ba dao động do chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên và thủy triều.

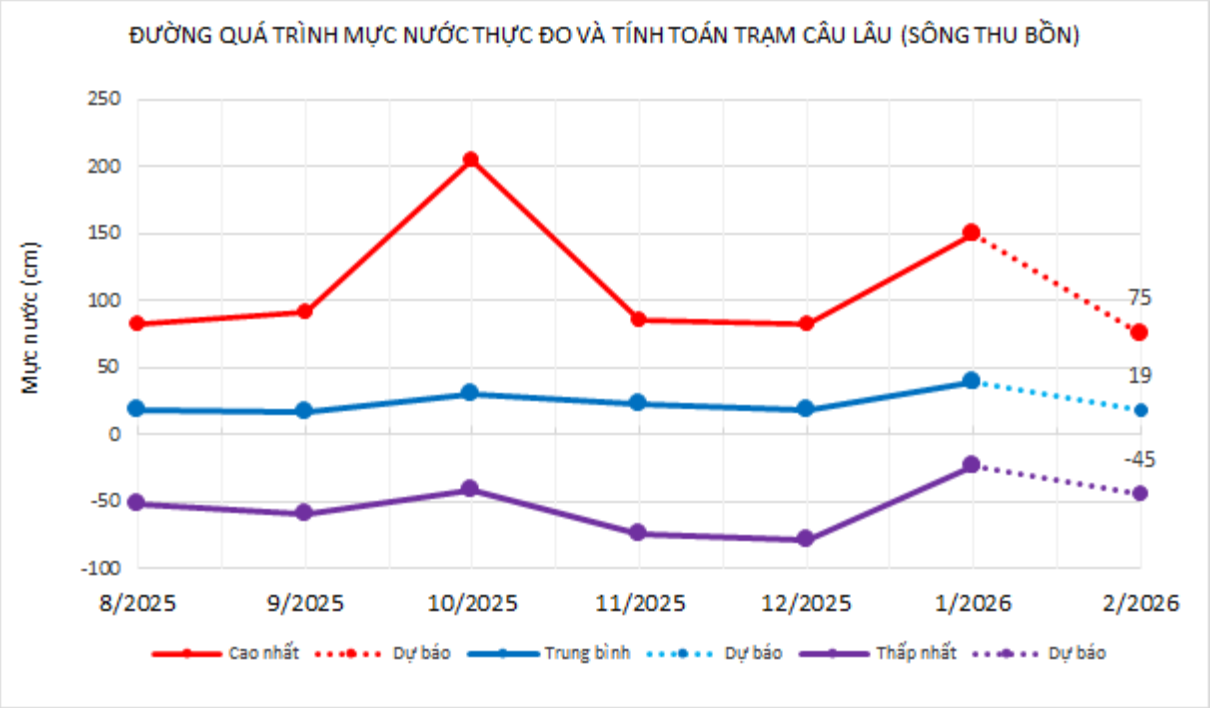

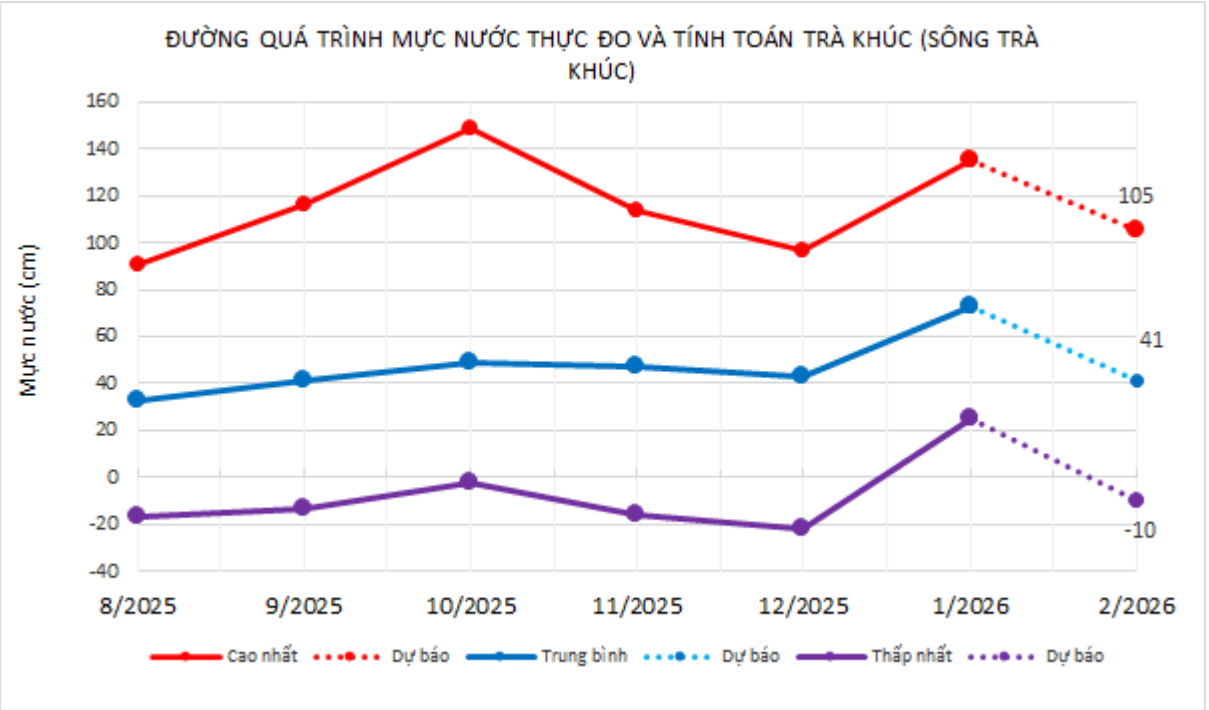

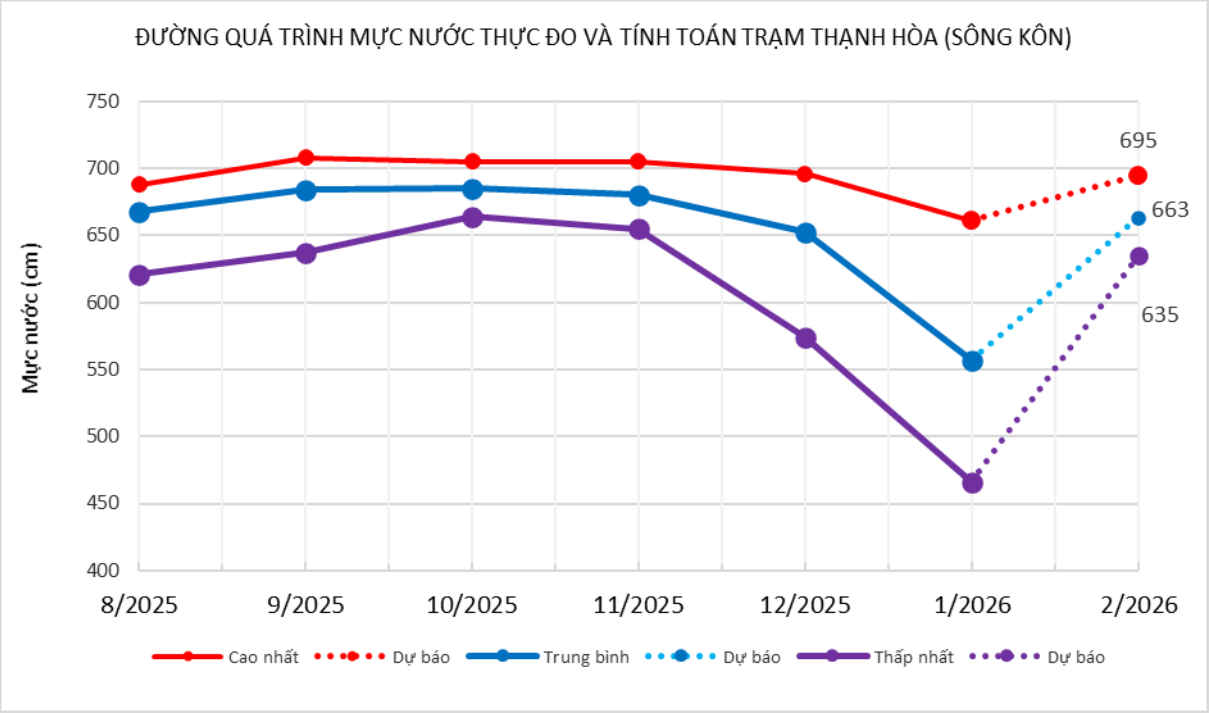

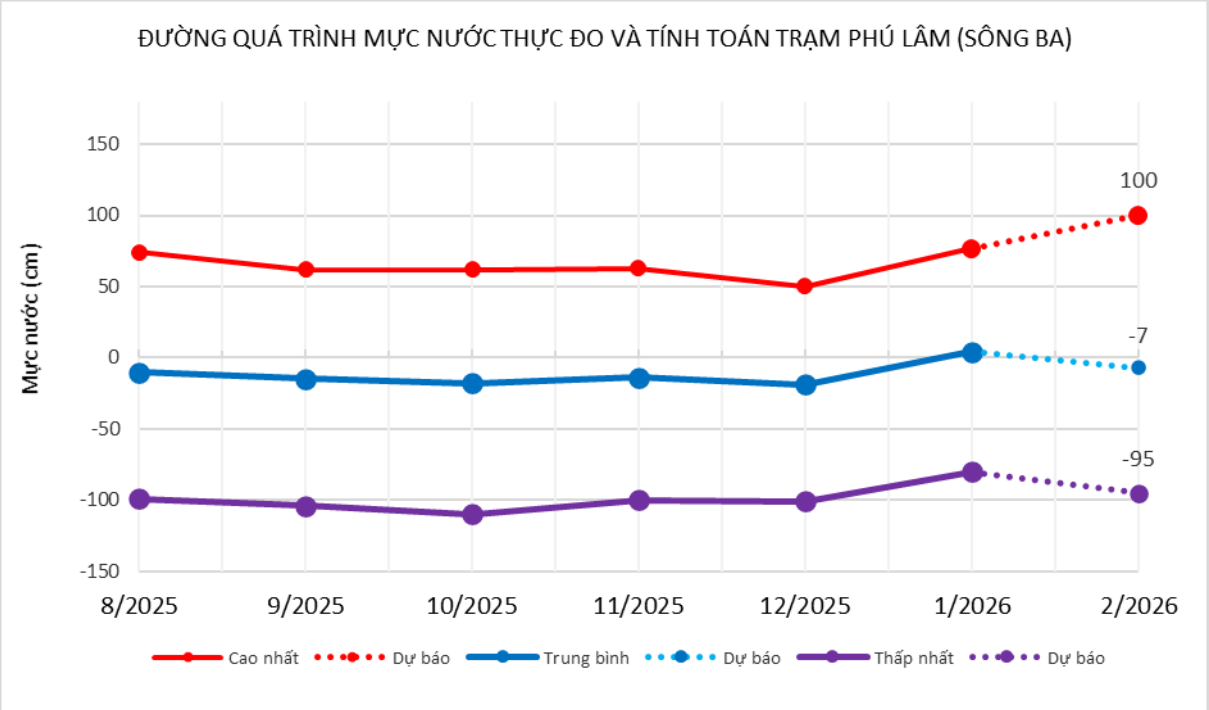

5. Các lưu vực sông thuộc khu vực Đông Nam Bộ

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mực nước trên sông Đồng Nai và sông Bé biến đổi chậm với xu thế xuống dần.

b. Dự báo, cảnh báo

Mực nước trên sông Đồng Nai, sông Bé sẽ tiếp tục biến đổi chậm với xu thế xuống dần.

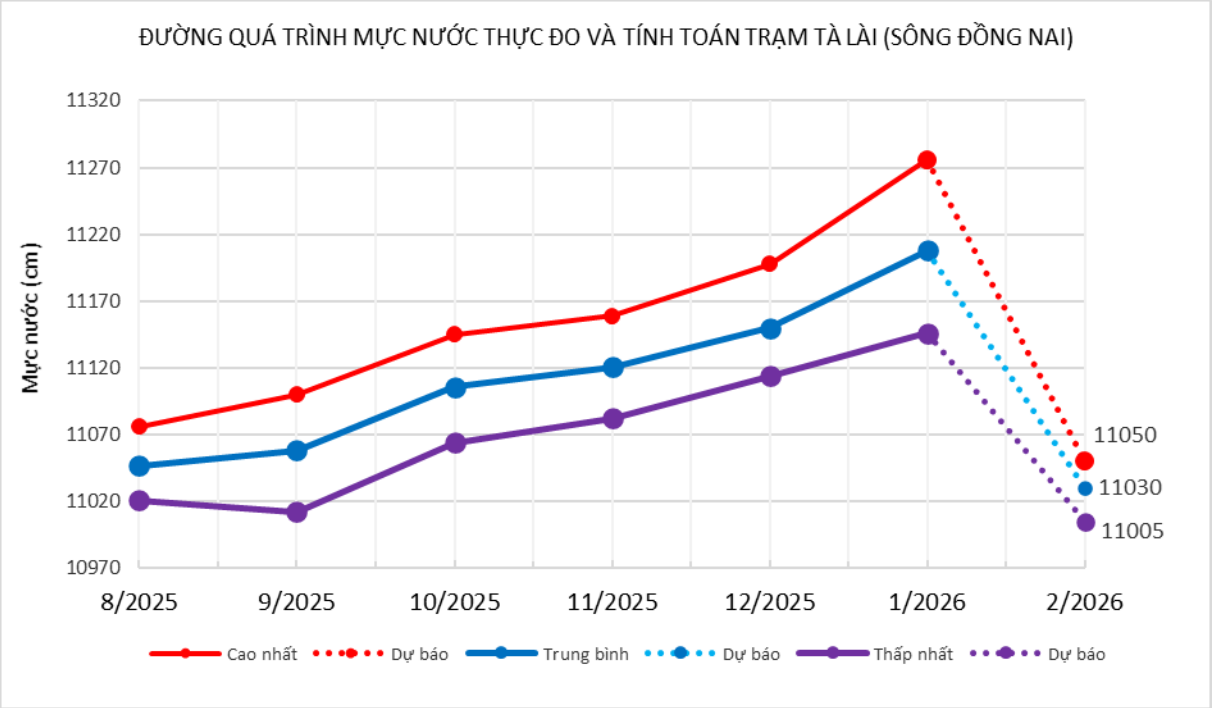

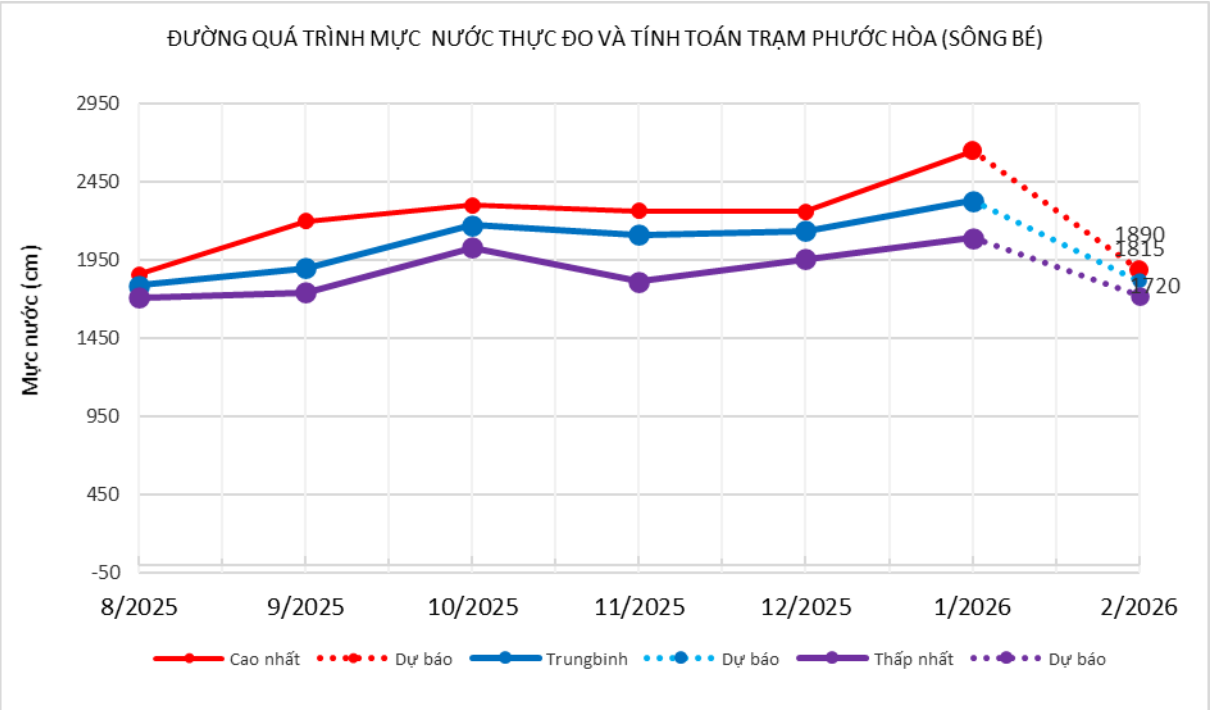

6. Lưu vực sông Mê Công

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

- Lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tháng, mực nước trên các sông phổ biến dao động theo vận hành của các hồ thủy điện và các công trình thùy lợi, sông Krông Ana mực nước biến đổi chậm theo xu thế xuống dần.

- Sông Cửu Long: Mực nước đầu nguồn sông Cửu Long dao động theo triều với xu thế xuống dần. Mực nước cao nhất tháng 01/2026 trên sông Tiền tại trạm Tân Châu là 1,93m (ngày 04/01); trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc 2,05m (ngày 04/01).

b. Dự báo, cảnh báo

- Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Mực nước trên các sông phổ biến dao động theo vận hành của các hồ thủy điện và các công trình thùy lợi, sông Krông Ana mực nước biến đổi chậm theo xu thế xuống dần.

- Mực nước sông Cửu Long dao động theo triều với xu thế xuống dần. Mực nước cao nhất tháng trên sông Tiền tại trạm Tân Châu là 1,60m, trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc 1,70m.

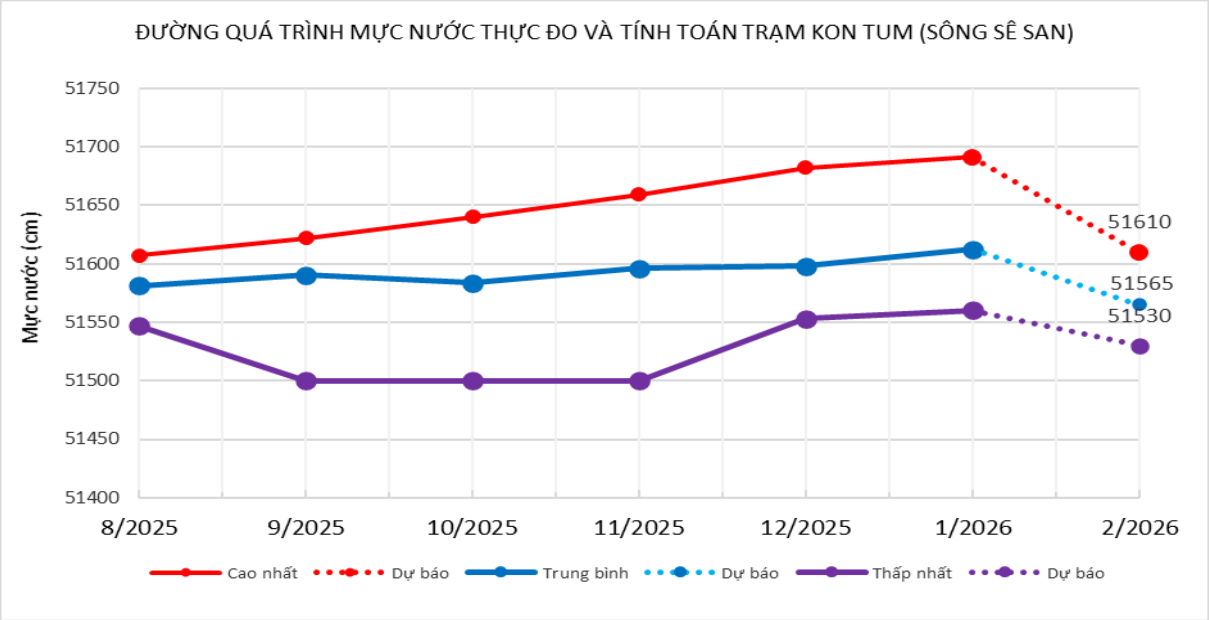

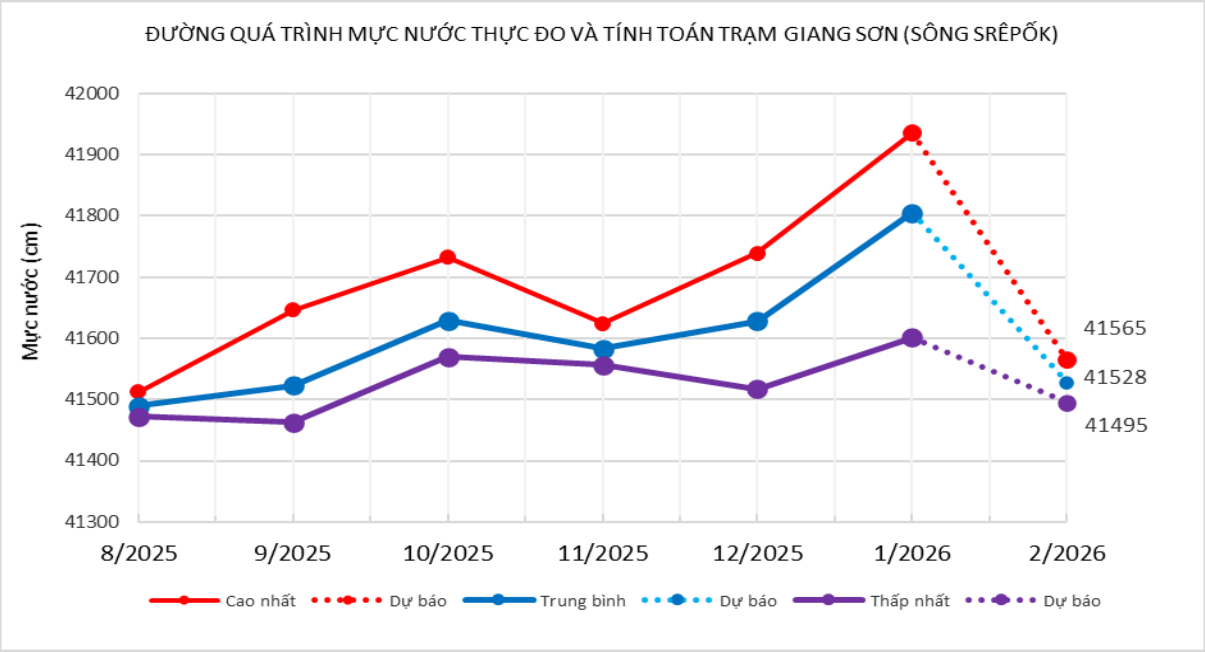

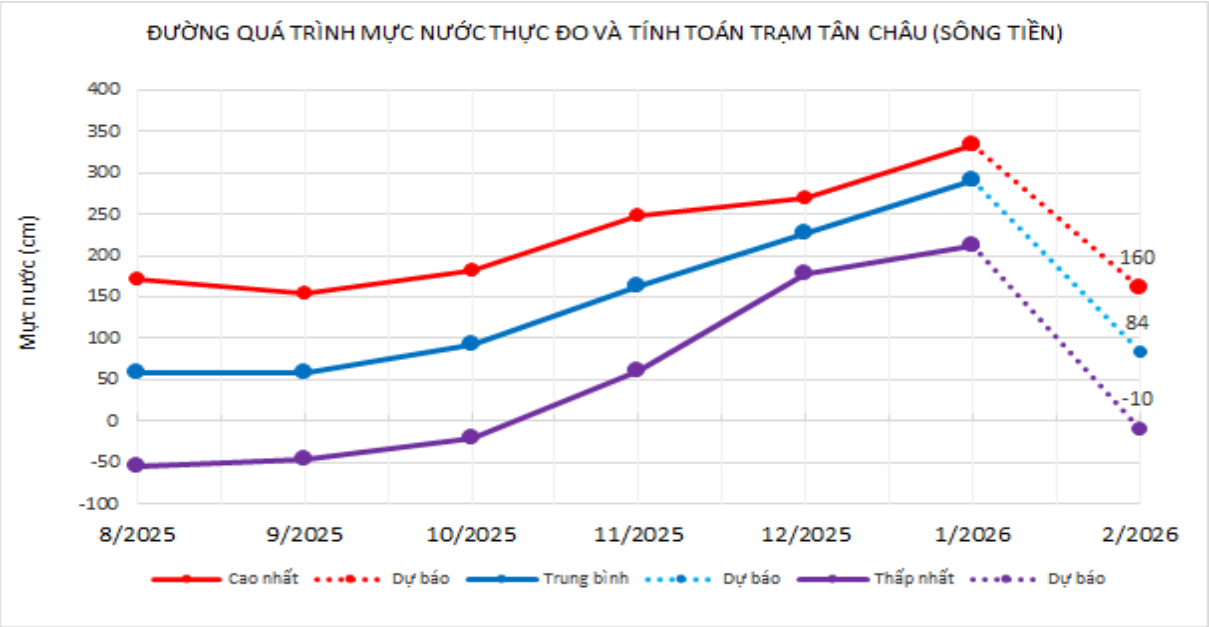

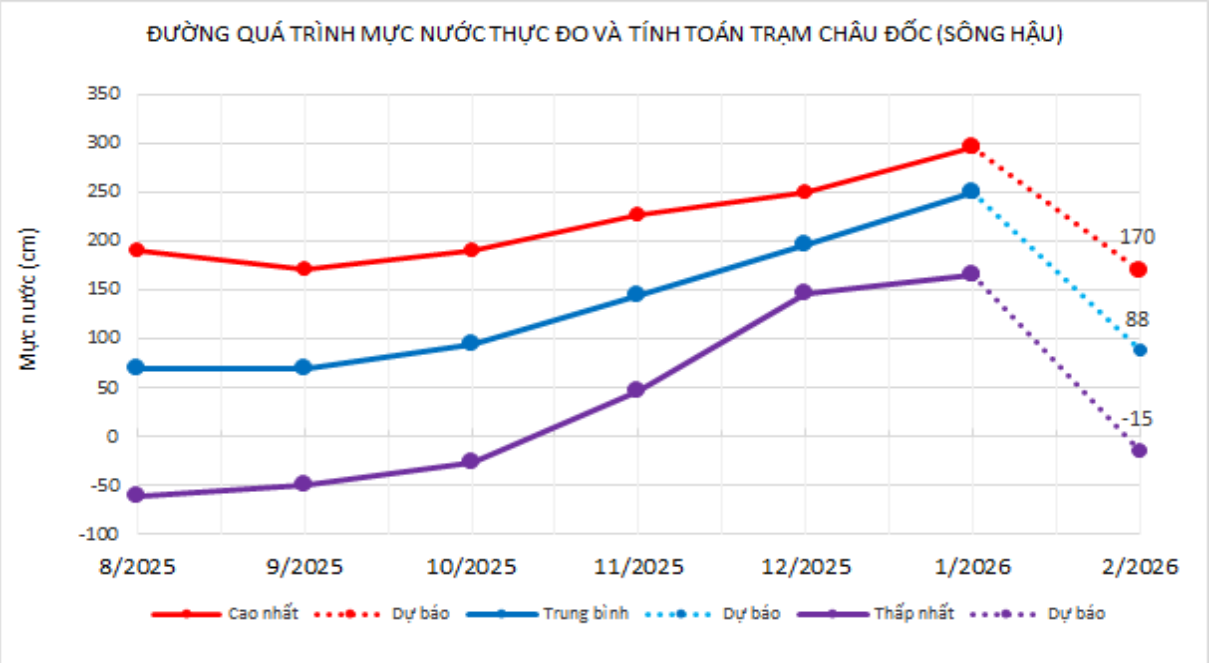

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 01/03/2026

Tin phát lúc: 15h00

Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin

Phùng Tiến Dũng

Bảng số liệu mực nước thực đo và dự báo trên các sông chính

Đơn vị: cm

Sông	Trạm	Thực đo			Dự báo											
					10 ngày đầu			10 ngày giữa			10 ngày cuối			Tháng		
		Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
Sông Đà	Hòa Bình (Q)	836	2374	40	650	1900	40	580	1850	40	510	1830	40	580	1900	40
Thao	Yên Bái	2344	2397	2300	2300	2385	2270	2290	2330	2260	2280	2320	2250	2290	2385	2250
Thao	Phú Thọ	1108	1155	1065	1075	1125	1030	1070	1120	1030	1065	1110	1020	1070	1125	1020
Lô	Tuyên Quang	1310	1464	1130	1310	1470	1165	1300	1360	1160	1285	1350	1120	1298	1470	1120
Lô	Vụ Quang	522	656	424	500	670	430	450	470	425	430	455	420	460	670	420
Cầu	Đáp Cầu	69	150	-2	60	150	5	50	150	1	55	140	10	55	150	1
Thương	Phủ Lạng Thương	58	155	-16	55	155	-25	50	150	-25	45	135	-15	50	155	-25
Lục Nam	Lục Nam	49	156	-27	45	155	-35	35	150	-30	40	120	-30	40	155	-35
Hồng	Hà Nội	123	217	41	125	240	90	105	180	55	100	180	50	110	240	50
Thái Bình	Phả Lại	59	165	-12	60	170	-25	50	155	-25	55	130	-20	55	170	-25
Mã	Giàng	47	229	-106	51	200	-95	40	175	-100	30	160	-70	40	200	-100
Cả	Nam Đàn	44	191	-61	48	170	-45	38	150	-70	30	135	-30	39	170	-70

Sông	Trạm	Thực đo			Dự báo											
					10 ngày đầu			10 ngày giữa			10 ngày cuối			Tháng		
		Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
La	Linh cảm	29	180	-111	42	170	-105	30	115	-80	20	125	-80	31	170	-105
Giang	Mai Hóa	34	139	-78	28	125	-55	20	105	-60	10	100	-75	19	125	-75
Hương	Kim Long	49	99	24	44	75	20	42	60	18	40	52	15	42	75	15
Thu Bồn	Câu Lâu	70	201	4	53	120	-15	38	90	-20	26	95	-35	39	120	-35
Trà Khúc	Trà Khúc	142	361	86	113	180	60	85	120	40	65	100	20	88	180	20
Kôn	Thạnh Hòa	665	694	626	665	685	635	660	690	640	665	695	645	663	695	635
Đà Rằng	Phú Lâm	1	102	-90	-4	90	-7	-6	95	-85	-10	100	-95	-7	100	-95
Đăkbla	Kon Tum	51567	51606	51529	51563	51605	51540	51561	51600	51530	51570	51610	51540	51565	51610	51530
Krông Ana	Giang Sơn	41655	41770	41563	41545	41565	41520	41525	41535	41515	41515	41520	41495	41528	41565	41495
Bé	Phước Hòa	1859	1932	1750	1823	1890	1750	1815	1880	1725	1807	1864	1720	1815	1890	1720
Đồng Nai	Tà Lài	11042	11063	11030	11036	11050	11025	11030	11050	11025	11025	11045	11005	11030	11050	11005
Tiền	Tân Châu	102	193	5	88	160	5	84	150	0	80	145	-10	84	160	-10
Hậu	Châu Đốc	108	205	-5	92	170	-5	88	160	-10	84	155	-15	88	170	-15